

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 8 – 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

2. Ông Lê Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh ngày 11/01/1990.

Địa chỉ: Ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp Hoà, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Trần Huyền P**, sinh ngày 12/9/1983.

Địa chỉ: Ấp P, xã G, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp P, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đều trình bày:

Bà C với ông P quen biết và thương yêu nhau trước. Đến ngày 03/7/2018 bà C và ông P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; là hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến ngày 28/02/2025 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn, bà P cũng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Bà C với ông P không còn chung sống với nhau từ ngày 09/5/2025 đến nay. Nhận thấy nếu tiếp tục chung sống

cũng không hạnh phúc, nên bà C yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà với ông P không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Huyền P trình bày:

Ông P thống nhất với bà Nguyễn Thị C về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ông P với bà C quen biết, có tình cảm với nhau và được gia đình tổ chức đám cưới vào ngày mùng 06 tết năm 2020, không nhớ tháng nào. Ông, bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận kết hôn, là hôn nhân tự nguyện. Ông, bà sống hạnh phúc được khoảng 03 năm; trong quá trình chung sống thì vợ chồng không cãi nhau, cũng không mâu thuẫn, nhưng không biết lý do vì sao bà C yêu cầu ly hôn; ông, bà không chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2025, bà C về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ông, bà không liên lạc từ đó đến nay. Ông P vẫn còn tình cảm với bà C, nhưng nếu bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn, vì bà C đã quyết định ly hôn nên tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc.

Về con chung: Ông, bà không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Trần Huyền P chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã G, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp P, xã P,

huyện X, tỉnh Sóc Trăng) nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C với ông Trần Huyền P được Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nay là Ủy ban nhân dân xã G, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 135 vào ngày 03/7/2018. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng ông Trần Huyền P đều vắng mặt; bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng ông, bà không còn chung sống với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông P; tại phiên tòa, ông P cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà C, nhưng nếu bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý. Từ đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà C với ông P thống nhất là không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C được ly hôn với bị đơn ông Trần Huyền P.

1.2. Về con chung: Các đương sự thống nhất không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001772 ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ; như vậy, bà C đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Ủy ban nhân dân xã Nhu Gia, thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh